

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày 15-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cà Văn Pản.

2. Bà Bùi Thị Bưởi.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà: Ông Bùi Tiến Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2017/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thanh H (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 12 năm 1973 tại tỉnh Hà Nam; nơi ĐKNKTT: Tổ 09, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Tổ 05, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lê Trọng H, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Trần Thị B, sinh năm 1952; có chồng là Bùi Quốc K, sinh năm 1962 (Đã ly hôn), và 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 6 năm 2017, có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Quàng Văn H, sinh năm 1970, trú tại: Bản P, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có mặt.

2. Ông Lò Văn P, sinh năm 1954, trú tại: Bản P, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có mặt.

3. Anh Lò Văn Đ, sinh năm 1990, trú tại: Xóm 4, xã M, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Thanh H3, sinh năm 1984, trú tại: Tổ 6, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin vắng mặt.

5. Ông Quàng Văn C, sinh năm 1962, trú tại: Bản P, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có mặt.

6. Ông Quàng Văn B, sinh năm 1965, trú tại: Bản P, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 01/12/2016 đến ngày 29/7/2017, các bị hại anh Quàng Văn H, ông Lò Văn P, anh Lò Văn Đ, chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Quàng Văn C, ông Quàng Văn B có đơn trình báo tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La về hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Lê Thanh H.

Ngày 09/6/2017, Lê Thanh H bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Sơn La bắt tạm giam, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 09/CQCSĐT ngày 07/6/2017 đối với Lê Thanh H.

Tại Cơ quan Điều tra Lê Thanh H khai nhận, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2016, Lê Thanh H đã thực hiện 6 lần chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 6/2014 Lê Thanh H nói với anh Quàng Văn H - sinh năm 1970, trú tại bản P, xã C, thành phố Sơn La là H có khả năng xin việc làm cho con anh H là Quàng Thị T làm giáo viên tại tỉnh Sơn La với số tiền 70.000.000,đ, H yêu cầu đưa trước hồ sơ xin việc của T và số tiền 35.000.000,đ, số tiền còn lại sẽ đưa nốt khi H xin được việc làm cho T, anh H đồng ý và đưa cho H số tiền 35.000.000,đ + hồ sơ xin việc của T tại bưu điện thành phố Sơn La. Sau khi nhận tiền Lê Thanh H có viết 01 giấy biên nhận và hứa hẹn đến tháng 9/2014 sẽ xin được việc làm cho T, nếu không xin được việc sẽ trả lại tiền. Đến ngày 1/10/2015 Lê Thanh H yêu cầu và anh H đồng ý đưa thêm cho H 25.000.000,đ để xin việc cho T. Toàn bộ số tiền trên Lê Thanh H đã tiêu xài cá nhân hết, còn hồ sơ xin việc của T, H đã làm thất lạc. Đến nay Lê Thanh H chưa xin được việc cho con anh H, cũng chưa trả lại tiền cho anh H, số tiền 60.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 6/2014 Lê Thanh H nói với anh Lò Văn P - sinh năm 1954, trú tại bản P, xã C, thành phố Sơn La là H có khả năng xin việc làm cho cháu anh P là Chăm Văn B làm y tế học đường với số tiền 120.000.000,đ, H yêu cầu đưa trước hồ sơ xin việc của B và số tiền 50.000.000,đ, số tiền còn lại sẽ đưa nốt khi H xin được việc làm cho B, anh P đồng ý. Ngày 24/12/2014 tại bưu điện thành phố Sơn La anh P đưa cho H số tiền

50.000.000,đ + 01 bản phô tô hộ khẩu của B. Sau khi nhận tiền Lê Thanh H có viết 01 giấy biên nhận và hứa hẹn đến tháng 9/2015 sẽ xin được việc làm cho B, nếu không xin được việc sẽ trả lại tiền. Toàn bộ số tiền trên Lê Thanh H đã tiêu xài cá nhân hết, còn sổ hộ khẩu của B, H đã làm thất lạc. Đến hẹn như đã thỏa thuận Lê Thanh H không xin được việc làm cho B, cũng không trả lại tiền cho anh P, anh P nhiều lần đến đòi tiền. Đến tháng 10/2015 H đã trả cho anh P số tiền 15.000.000,đ. Đến nay Lê Thanh H chưa xin được việc cho cháu anh P, cũng chưa trả lại hết tiền cho anh P, số tiền 35.000.000 đồng

Lần thứ ba: Khoảng tháng 4/2015 Lê Thanh H nói với chị Trần Thị D - sinh năm 1992, trú tại tổ 13, phường Q, thành phố Sơn La là H có khả năng xin việc làm cho Lò Văn Đ - sinh năm 1990, trú tại xóm 4, xã M, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La là bạn của D làm Công an tại tiểu đoàn cảnh sát cơ động Công an tỉnh Sơn La với số tiền khoảng 280.000.000đ, H yêu cầu đưa trước hồ sơ xin việc của Đ và số tiền 150.000.000đ, số tiền còn lại sẽ đưa nốt khi H xin được việc làm cho Đ, chị D và anh Đ đồng ý. Ngày 11/5/2015 chị D và anh Đ đến nhà mẹ đẻ của Lê Thanh H tại tổ 03, phường C, thành phố Sơn La đưa cho H số tiền 100.000.000,đ + hồ sơ xin việc của Đ. Ngày 15/5/2015 chị D và Anh Đ tiếp tục đến nhà mẹ đẻ của H đưa tiếp cho H số tiền 50.000.000,đ như đã thỏa thuận trước đó. Sau khi nhận tiền Lê Thanh H có viết 01 giấy biên nhận. H hứa hẹn đến ngày 31/5/2016 sẽ xin được việc làm cho Đ, nếu không xin được việc sẽ trả lại tiền. Toàn bộ số tiền trên Lê Thanh H đã tiêu xài cá nhân hết, còn hồ sơ xin việc của Đ, H đã làm thất lạc. Đến nay Lê Thanh H chưa xin được việc cho anh Lò Văn Đ cũng không trả lại tiền cho anh Đ, số tiền 150.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng tháng 5/2016 Lê Thanh H nói với chị Nguyễn Thị Thanh H3 - sinh năm 1984, trú tại tổ 06, phường Q, thành phố Sơn La là H có khả năng xin chuyển công tác từ Lai Châu về Sơn La cho em chị H3 là Từ Ngọc H1 làm giáo viên với số tiền 80.000.000,đ, H yêu cầu đưa trước số tiền 50.000.000,đ và đơn xin chuyển công tác của H1, số tiền còn lại sẽ đưa nốt khi H xin chuyển công tác được cho H1, chị H đồng ý và đưa cho H số tiền 50.000.000,đ + đơn xin chuyển công tác của H1 tại tổ 03, phường C, thành phố Sơn La. Sau khi nhận tiền Lê Thanh H có viết 01 giấy biên nhận và hứa hẹn đến tháng 12/2016 sẽ xin chuyển công tác được cho H1, nếu không xin được sẽ trả lại tiền. Toàn bộ số tiền trên và đơn xin chuyển công tác của H1, Lê Thanh H Khai nhận đã chuyển cho một người tên là Cao Thị Thu H2, trú tại tổ 10, phường C, thành phố Sơn La, công tác tại phòng nội vụ UBND thành phố Sơn La để H2 lo xin chuyển công tác cho H1. Sau đó H đã lấy lại số tiền trên và đơn xin chuyển công tác của H1. H tiêu xài cá nhân hết số tiền 25.000.000,đ, trả lại cho chị H3 số tiền 25.000.000,đ vào ngày 13/12/2016 còn đơn xin chuyển công tác của H1 H đã làm thất lạc. Đến nay Lê Thanh H chưa xin chuyển công tác được cho H1, cũng chưa trả lại hết tiền cho chị H3, số tiền 25.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 5/8/2016 ông Quảng Văn C - sinh năm 1962, trú tại bản P, xã C, thành phố Sơn La đến phòng trọ của Lê Thanh H tại tổ 04, phường Q, thành phố Sơn La đưa cho Lê Thanh H 01 hồ sơ xin việc của con trai là Quảng Văn X và thỏa thuận, thống nhất với H là H xin việc cho X làm giáo viên

thẻ dực tại thành phố Sơn La với số tiền là 150.000.000,đ. Ngày 8/8/2016 ông Quảng Văn C cùng với Quảng Văn B, Quảng Văn X, Quảng Văn A tiếp tục đến phòng trọ của Lê Thanh H đưa cho Lê Thanh H 150.000.000,đ (*Có viết giấy biên nhận tiền và có anh Ngô Anh D chứng kiến*). Sau khi nhận tiền Lê Thanh H hứa hẹn đến cuối tháng 9/2016 sẽ xin được việc làm cho X, nếu không xin được việc sẽ trả lại tiền. Toàn bộ số tiền trên Lê Thanh H đã tiêu xài cá nhân hết, còn hồ sơ xin việc của X, H đã làm thất lạc. Đến nay Lê Thanh H chưa xin được việc cho con ông C, cũng chưa trả lại tiền cho ông C, số tiền 150.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 05/8/2016 tại phòng trọ, Lê Thanh H nói với ông Quảng Văn B - sinh năm 1965, trú tại bản P, xã C, thành phố Sơn La có khả năng xin việc cho con ông B là anh Quảng Văn C làm kế toán tại UBND thành phố Sơn La với số tiền 100.000.000,đ, ông B phải đưa trước cho H 50.000.000,đ và hồ sơ của anh C để H lo xin việc, số tiền 50.000.000,đ còn lại khi H xin được việc làm cho anh C ông B sẽ đưa nốt, ông B đồng ý. Ngày 10/8/2016 anh C và ông B đến phòng trọ của Lê Thanh H đưa cho Lê Thanh H hồ sơ xin việc của anh C. Đến ngày 29/8/2016 Lê Thanh H đến nhà của ông Quảng Văn B tại bản P, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La nhận số tiền 50.000.000,đ như đã thỏa thuận trước đó. Sau khi nhận tiền H và ông B có làm giấy tờ và có ông Quảng Văn C chứng kiến. H hứa hẹn đến 15/01/2017 sẽ xin được việc làm cho anh C nếu không xin được việc sẽ trả lại tiền. Toàn bộ số tiền trên Lê Thanh H đã tiêu xài cá nhân hết, còn hồ sơ xin việc của anh C, H đã làm thất lạc. Đến nay Lê Thanh H chưa xin được việc cho con ông B cũng chưa trả lại tiền cho ông B, số tiền 50.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thanh H tại Tổ 5, phường Q, thành phố Sơn La, kết quả thu giữ các vật chứng gồm: 01 Giấy giao tiền giữa Lê Thanh H và Lò Văn P ngày 28/10/2017 (bản gốc); 01 Giấy biên nhận giữa Lê Thanh H và Lò Văn P, Lò Văn H (photo); 01 Giấy biên nhận giữa Cà Văn M và Lê Thanh H (bản gốc); 01 Giấy nhận tiền giữa Lê Thanh H và T ngày 23/12/2014 (photo); 01 Giấy xác nhận ngày 22/11/2016 giữa Lê Thanh H và Quảng Văn B (bản gốc); 01 quyển sổ màu đen mặt trước có chữ BUSINESS.

Ngoài ra, còn tạm giữ của Lê Thanh H gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu hồng trắng; 01 thẻ ATM TECH COMBANK mang tên Tong Quoc Toan; 02 thẻ ATM thu giữ của Lê Thanh H ngày 09/6/2017; 01 CMND mang tên Lê Thanh H; 01 xe mô tô HONDA VISION màu đỏ đen bạc, BKS 26B1-546.47; 01 mũ bảo hiểm màu trắng sữa; 02 áo mưa màu xanh; 01 đôi găng tay màu nâu đều đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thanh H; 03 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô, xe máy.

Tại Bản cáo trạng số: 111/KSĐT ngày 21/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đã truy tố Lê Thanh H về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La giữ quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như xem xét các

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H từ 13 năm đến 13 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường: anh Quảng Văn H số tiền 60.000.000,đồng, anh Lò Văn P số tiền 35.000.000 đồng, anh Lò Văn Đ số tiền 150.000.000 đồng, anh Quảng Văn C số tiền 150.000.000 đồng, anh Quảng Văn B số tiền 50.000.000 đồng.

Người bị hại chị Nguyễn Thị Thanh H3 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình Sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Lê Thanh H: 01 (một) Tờ chứng minh nhân dân số mang tên Lê Thanh H; 01 (một) Chiếc mũ bảo hiểm; 02 (hai) Chiếc áo mưa ; 01 (một) Đôi găng tay; 01 (một) Quyển sổ.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 (một) Chiếc điện thoại di động hiệu “OPPO”; 01 (một) Chiếc thẻ AGIBANK mang tên LE THANH H, số thẻ 7904050666647420 (số dư tài khoản còn 53.515đ); 01 (một) Chiếc thẻ VIETINBANK mang tên LE THANH H, số thẻ 9704155246757233 (số dư tài khoản 2.121.675 đồng, 01 (một) Chiếc xe máy nhãn hiệu HON DA biển kiểm soát 26B1-546.47; 01 (một) Tờ chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số mang tên Lê Thanh H; 03 (ba) Tờ giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy đều mang tên Lê Thanh H.

Đối với số tiền 50.000.000đ Lê Thanh H nhận của chị Nguyễn Thị Thanh H3, H khai đã chuyển cho Cao Thị Thu H2 làm việc tại phòng nội vụ ủy ban nhân dân thành phố Sơn La - tỉnh Sơn La để Hòa xin chuyển công tác cho em chị H3 là Từ Ngọc H1 từ Lai Châu về Sơn La, quá trình điều tra xác minh không có người nào tên là H2 như bị cáo khai nhận, ngoài lời khai của bị cáo không còn chứng cứ nào khác, do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La không có căn cứ điều tra, mở rộng vụ án.

Đối với Lò Văn S, Ngô Anh D là những người giới thiệu các bị hại đến gặp Lê Thanh H. Qua điều tra xác định những người này không liên quan đến hành vi phạm tội của H nên Cơ quan CSĐT không đề cập đến việc xử lý.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bị hại: Các bị hại anh Quảng Văn H, ông Lò Văn P, anh Lò Văn Đ, ông Quảng Văn C, ông Quảng Văn B yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ

trả lại tài sản đã chiếm đoạt, chị Nguyễn Thị Thanh H3 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Người bị hại chị Nguyễn Thị Thanh H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa (tổng đạt trực tiếp) nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi ý kiến đến Hội đồng xét xử, do đó việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh H khai nhận: Bị cáo Lê Thanh H không có chức năng tuyển dụng lao động. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2016, tại địa bàn thành phố Sơn La, Lê Thanh H đã có hành vi gian dối (tự giới thiệu mình có khả năng xin được việc làm, xin được chuyển công tác, nhận tiền và hứa xin được việc, xin chuyển công tác) để chiếm đoạt tổng số tiền 470.000.000,đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) của các bị hại anh Quảng Văn H, ông Lò Văn P, anh Lò Văn Đ, chị Nguyễn Thị Thanh H3, ông Quảng Văn C, ông Quảng Văn B.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Lời khai nhận tội của bị cáo;
- Đơn trình báo, lời khai của các bị hại;
- Biên bản về việc bắt người lập hồi 10 giờ 30 ngày 09/6/2017 tại Tổ 5, phường Q, thành phố Sơn La;
- Biên bản khám xét ngày 09/6/2017; Các Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Biên bản bóc mở niêm phong, kiểm tra và niêm phong lại đồ vật, tài liệu bị tạm giữ.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác trong hồ sơ.

Từ các căn cứ nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận Lê Thanh H phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nhận thấy: Bị cáo Lê Thanh H dùng thủ đoạn gian dối (xin việc làm, xin chuyển công tác) làm cho người có tài sản là anh Quảng Văn H, ông Lò Văn P, anh Lò Văn Đ, chị Nguyễn Thị Thanh H3, ông Quảng Văn C, ông Quảng Văn B tin đó là sự thật

nên đã tự nguyện giao tài sản (tiền) cho Lê Thanh H, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2016 với tổng số tiền 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo vi phạm tình tiết định khung hình phạt tại điểm a khoản 3 điều 139 Bộ luật Hình sự.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của những người bị hại, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo có đầy đủ hiểu biết, nhận thức được hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do thiếu tiền chi tiêu cá nhân và lười lao động, bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2016, bị cáo Lê Thanh H đã thực hiện 06 lần hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần cấu thành một tội phạm độc lập theo đó, cần áp dụng đối với bị cáo Lê Thanh H tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g “phạm tội nhiều lần” khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[4] *Về hình phạt bổ sung – phạt tiền:* Ngoài hình phạt chính lẽ ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 139 Bộ luật Hình sự, song xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:*

Những người bị hại anh Quàng Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt là 60.000.000,đ; ông Lò Văn P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt là 35.000.000,đ; anh Lò Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt là 150.000.000,đ; ông Quàng Văn C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt là 150.000.000,đ; ông Quàng Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt là 50.000.000,đ. Tổng số tiền những người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường là 445.000.000,đ.

Xét đây là yêu cầu hợp pháp của các bị hại nên cần chấp nhận, buộc bị cáo Lê Thanh H phải bồi thường cho người bị hại anh Quàng Văn H số tiền chiếm đoạt là 60.000.000,đ; bồi thường cho người bị hại ông Lò Văn P số tiền chiếm đoạt là 35.000.000,đ; bồi thường cho người bị hại anh Lò Văn Đ số tiền chiếm đoạt là 150.000.000,đ; bồi thường cho người bị hại ông Quàng Văn C số

tiền chiếm đoạt là 150.000.000,đ; bồi thường cho người bị hại ông Quảng Văn B số tiền chiếm đoạt là 50.000.000,đ. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 445.000.000,đ.

Người bị hại chị Nguyễn Thị Thanh H3 không yêu cầu bị cáo bồi thường, cần chấp nhận.

Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

[7] *Về vật chứng vụ án:*

Đối với 01 thẻ ATM TECHCOM BANK mang tên Tong Quoc Toan: Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Tòng Quốc T - sinh năm 1994, trú tại: bản H, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Ngày 27/10/2017 Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Sơn La đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho anh T là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng.

Đối với 01 (một) Tờ chứng minh nhân dân số 050489835 do Công an Sơn La cấp ngày 27/12/2016 mang tên Lê Thanh H; **01 (một) Chiếc mũ bảo hiểm màu trắng sữa, mặt trước mũ có chữ “ Amby Helmet”,** qua sử dụng; **01 (một) Chiếc áo mưa màu xanh lá cây** qua sử dụng; **01 (một) Chiếc áo mưa màu xanh da trời** qua sử dụng; **01 (một) Đôi găng tay bằng vải màu nâu** qua sử dụng; **01 (một) Quyển sổ màu đen, mặt trước có chữ BUSINESS,** qua sử dụng, là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo do đó cần trả lại cho bị cáo Lê Thanh H.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình Sự năm 2015.

Đối với **01 (một) Chiếc điện thoại di động hiệu “OPPO”;** **01 (một) Chiếc thẻ AGIBANK mang tên LE THANH H, số thẻ 7904050666647420 (số dư tài khoản còn 53.515đ);** **01 (một) Chiếc thẻ VIETINBANK mang tên LE THANH H, số thẻ 9704155246757233 (số dư tài khoản 2.121.675 đồng,** **01 (một) Chiếc xe máy nhãn hiệu HON DA biển kiểm soát 26B1-546.47;** **01 (một) Tờ chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số mang tên Lê Thanh H;** **03 (ba) Tờ giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy đều mang tên Lê Thanh H,** là tài sản cá nhân của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với Cao Thị Thu H2 là người bị cáo H khai đã chuyển số tiền 50.000.000,đ bị cáo nhận của chị Nguyễn Thị Thanh H3 cho Cao Thị Thu H2, làm việc tại Phòng Nội vụ - Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La để xin chuyển công tác cho em chị H3 là Từ Ngọc H1 từ Lai Châu về Sơn La: Quá trình điều tra xác minh không có người nào tên là H2 như bị cáo khai nhận. Ngoài lời khai của bị cáo không còn chứng cứ nào khác, do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La không có căn cứ điều tra, mở rộng vụ án.

Đối với Lò Văn S, Ngô Anh D là những người giới thiệu các bị hại đến gặp Lê Thanh H: Quá trình điều tra xác định những người này không liên quan đến hành vi phạm tội của H nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La không đề cập đến việc xử lý.

[9] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 09/6/2017).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lê Thanh H phải bồi thường cho những người bị hại: anh Quàng Văn H số tiền là 60.000.000,đ (sáu mươi triệu đồng); ông Lò Văn P số tiền là 35.000.000,đ (ba mươi lăm triệu đồng); anh Lò Văn Đ số tiền là 150.000.000,đ (một trăm năm mươi triệu đồng); ông Quàng Văn C số tiền là 150.000.000,đ (một trăm năm mươi triệu đồng); ông Quàng Văn B số tiền là 50.000.000,đ (năm mươi triệu đồng).

Chấp nhận người bị hại chị Nguyễn Thị Thanh H3 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình Sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Lê Thanh H: 01 (một) Tờ chứng minh nhân dân số 050489835 do Công an Sơn La cấp ngày 27/12/2016 mang tên Lê Thanh H; 01 (một) Chiếc mũ bảo hiểm màu trắng sữa, mặt trước mũ có chữ “ Amby Helmet”, qua sử dụng; 01 (một) Chiếc áo mưa màu xanh lá cây qua sử dụng; 01 (một) Chiếc áo mưa màu xanh da trời qua sử dụng; 01 (một) Đôi găng tay bằng vải màu nâu qua sử dụng; 01 (một) Quyền sở màu đen, mặt trước có chữ BUSINESS, qua sử dụng.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 (một) Chiếc điện thoại di động màu hồng trắng, loại màn hình cảm ứng, mặt sau có chữ “OPPO”, không kiểm tra được số Imei do máy có mặt khóa màn hình, qua sử dụng; 01 (một) Chiếc thẻ AGIBANK mang tên LE THANH H, số thẻ 7904050666647420 (số dư tài khoản còn 53.515đ); 01 (một) Chiếc thẻ VIETINBANK mang tên LE THANH H, số thẻ 9704155246757233 (số dư tài khoản 2.121.675đ); 01 (một) Chiếc xe máy nhãn hiệu HON DA VISION màu đỏ-đen-bạc, biển kiểm soát 26B1-546.47, số máy 0171034, số khung 170942, qua sử dụng; 01 (một) Tờ chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 060406 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 21/9/2012 mang tên Lê Thanh H; 03 (ba) Tờ giấy

chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy số 162207733, 170354061, 170354062 đều mang tên Lê Thanh H.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Buộc bị cáo Lê Thanh H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 21.800.000 đồng (hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/01/2018).

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- THADS thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- THAPT (2);
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Nghĩa